

**QUỸ ĐẦU TƯ DOANH
NGHIỆP HÀNG ĐẦU
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty/Quỹ: Quỹ Đầu Tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam (VFMVF4)
Trụ sở chính: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Melinh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Q1, TP HCM
Điện thoại: 08 38251488
Fax: 08 38251489
Người thực hiện công bố thông tin: **Phạm Khánh Lynch**
Địa chỉ: Phòng 1701-04, Tầng 17, Tòa nhà Melinh Point, Số 2 Ngô Đức Kế, Q1, TP HCM
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 08 38251488
Fax: 08 38251489
Nội dung thông tin công bố: Báo cáo NAV Quý III / 2012.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Ngày 12 tháng 10 năm 2012.

Người thực hiện công bố thông tin



PHẠM KHÁNH LYNH
Phó Tổng Giám đốc

Mẫu số B 01 - QĐT
(Ban hành kèm theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM - VF4
Quý III năm 2012

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam - VF4
4 Ngày lập báo cáo : 15/10/2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Quý III/2012	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2012
A	TÀI SẢN		
1	Tiền gửi ngân hàng	79,045,865,517	35,086,811,122
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	1,045,865,517	1,086,811,122
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	78,000,000,000	34,000,000,000
2	Đầu tư chứng khoán	420,424,693,200	403,586,076,400
3	Đầu tư khác	-	-
4	Phải thu từ hoạt động đầu tư	2,237,623,500	7,167,929,555
5	Phải thu khác	-	-
	Tổng tài sản	501,708,182,217	445,840,817,077
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	4,091,701,751	1,461,649,846
1	Vay ngắn hạn		
2	Phải trả hoạt động Đầu tư	111,026,374	26,969,514
3	Phải trả thu nhập cho nhà Đầu tư		
4	Phải trả thù lao cho Ban Đại diện Quỹ	77,000,003	48,000,000
5	Phải trả Công ty Quản lý và Ngân hàng Giám sát	864,865,134	586,613,221
6	Phải trả khác	3,038,810,240	800,067,111
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	497,616,480,466	444,379,167,231
1	Vốn góp của các nhà Đầu tư	806,460,000,000	806,460,000,000
2	Kết quả hoạt động chưa phân phối	(308,843,519,534)	(362,080,832,769)
	Tổng nguồn vốn	501,708,182,217	445,840,817,077

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Quý III/2012	SỐ ĐẦU NĂM 01/01/2012
1	Nợ khó đòi đã xử lý		
2	Ngoại tệ các loại		
3	Chứng khoán theo mệnh giá	147,877,400,000	203,990,260,000



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu

V.T. TRÂM ANH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Giám đốc tài chính

N.M. ĐĂNG KHÁNH



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM (VF4)

Quý III năm 2012

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư Doanh Nghiệp Hàng Đầu Việt Nam - VF4
 4 Ngày lập báo cáo : 15/10/2012

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Năm báo cáo năm 2012		Năm trước năm báo cáo	
		KỲ BÁO CÁO Quý III/2012	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Số phát sinh kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
A		1	2	3	4
A. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ ĐÃ THỰC HIỆN					
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	(26,932,677,847)	(59,696,041,853)	(6,819,693,054)	(31,224,513,031)
1	Cổ tức được nhận	6,386,011,500	20,387,368,100	6,835,190,600	19,147,242,300
2	Lãi tiền gửi	933,008,285	2,770,180,998	2,537,494,399	4,142,738,963
3	Thu nhập bán chứng khoán	(34,251,697,632)	(82,853,590,951)	(16,192,378,053)	(54,514,494,294)
3.1	Lãi (lỗ) do bán cổ phiếu	(34,251,697,632)	(82,853,590,951)	(16,192,378,053)	(54,514,494,294)
II	Chi phí	3,241,616,102	10,087,840,165	2,740,294,023	10,343,706,352
1	Phí quản lý Quỹ	2,587,908,266	7,850,780,852	2,058,373,586	8,238,093,576
2	Phí lưu ký, giám sát	133,924,722	414,722,862	142,614,719	446,678,239
3	Chi phí họp, đại hội	156,407,058	469,221,174	185,392,026	556,176,077
4	Chi phí công tác, đi lại của BDD	49,183,840	323,804,202	90,098,421	248,634,581
5	Chi phí kiểm toán	72,187,500	269,749,973	58,972,374	201,144,293
6	Phí và chi phí khác	242,004,716	759,561,102	204,842,897	652,979,586
	Phí ngân hàng	5,210,082	14,503,551	4,174,733	14,577,281
	Thù lao Ban đại diện	143,000,001	389,000,003	78,000,000	234,000,000
	Phí môi giới bán CK	68,023,203	257,236,038	71,332,372	254,975,063
	Phí quản lý niêm yết cho SGDHCM	-	28,064,600	-	28,064,600
	Chi phí tư vấn luật	-	-	-	19,343,940
	Phí chuyển nhượng	-	24,215,000	-	-
	Chi phí khác (in ấn, gửi thư, phí lấy danh sách NĐT...)	25,771,430	46,541,910	51,335,792	102,018,702
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	(30,174,293,949)	(69,783,882,018)	(9,559,987,077)	(41,568,219,383)
B. XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN					
I	Thu nhập	46,441,741,700	158,225,193,767	35,064,012,959	52,136,570,632
	Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	46,441,741,700	158,225,193,767	35,064,012,959	52,136,570,632
II	Chi phí	58,101,793,863	35,203,998,514	20,393,578,241	201,971,719,858
	Lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	58,101,793,863	35,203,998,514	20,393,578,241	201,971,719,858
III	Kết quả hoạt động ròng chưa thực hiện cuối kỳ	(11,660,052,163)	123,021,195,253	14,670,434,718	(149,835,149,226)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

MỘT THÀNH VIÊN

HSBC

(VIỆT NAM)

QUẢN LÝ

HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Thanh Tâm

Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu

V.T.TRÂM ANH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

N.M.ĐĂNG KHÁNH

S. Q. Đ. 48 - C. T. C.

CÔNG TY CỔ PHẦN

QUẢN LÝ

QUỸ ĐẦU TƯ

VIỆT NAM

QUẢN LÝ

HỒ CHÍ MINH

TRẦN THANH TÂN

TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI SẢN
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ DOANH NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM - VF4
Quý III năm 2012

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)
3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam - VF4
4 Ngày lập báo cáo : 15/10/2012

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Quý III/2012	KỲ TRƯỚC Quý II/2012	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
I. 1	Tiền	79,045,865,517	36,444,473,227	42,601,392,290
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	1,045,865,517	3,444,473,227	(2,398,607,710)
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	78,000,000,000	33,000,000,000	45,000,000,000
I. 2	Các khoản đầu tư	420,424,693,200	502,820,576,200	(82,395,883,000)
2.1	Cổ phiếu	420,424,693,200	502,820,576,200	(82,395,883,000)
2.1.1	CP niêm yết	420,424,693,200	502,820,576,200	(82,395,883,000)
I. 3	Cổ tức được nhận	1,137,385,500	2,096,529,000	(959,143,500)
I. 4	Lãi được nhận	555,000,000	87,222,224	467,777,776
4.1	Lãi tiền gửi Ngân hàng	555,000,000	87,222,224	467,777,776
I. 5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	545,238,000	-	545,238,000
I. 6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I. 7	Các tài sản khác	-	-	-
I. 8	TỔNG TÀI SẢN	501,708,182,217	541,448,800,651	(39,740,618,434)
STT	NỢ	Quý III/2012	Quý II/2012	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
II. 1	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	111,026,374	300,084,515	(189,058,141)
1.1	Phải trả GDCK niêm yết	-	210,805,000	(210,805,000)
1.2	Phải trả GDCK chưa niêm yết	-	-	-
1.3	Phí môi giới GDCK	111,026,374	89,279,515	21,746,859
II. 2	Các khoản phải trả khác	3,980,675,377	1,697,889,558	2,282,785,819
2.1	Phí quản lý phải trả	830,802,243	900,647,334	(69,845,091)
2.2	Phí lưu ký, giám sát phải trả	34,062,891	36,926,540	(2,863,649)
2.3	Phải trả thù lao cho Ban đại diện Quỹ	77,000,003	126,000,002	(48,999,999)
2.4	Phí kiểm toán	216,562,500	144,375,000	72,187,500
2.5	Phải trả cổ tức cho nhà đầu tư CLK	83,000,000	83,000,000	-
2.6	Trích trước chi phí đại hội, báo cáo thường niên	563,347,740	406,940,682	156,407,058
2.7	Phải trả khác	2,175,900,000	-	2,175,900,000
II.3	TỔNG NỢ	4,091,701,751	1,997,974,073	2,093,727,678
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	Quý III/2012	Quý II/2012	Chênh lệch kỳ báo cáo so với kỳ trước
III. 1	Tài sản ròng của Quỹ (I.8-II.3)	497,616,480,466	539,450,826,578	(41,834,346,112)
III. 2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0.82%	0.37%	0.45%
III. 3	Tổng số đơn vị quỹ, chứng chỉ quỹ	80,646,000	80,646,000	-
III. 4	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	6,170	6,689	(519)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Lê Thị Thành Tâm
Giám Đốc Dịch Vụ Quản Lý Quỹ
Bộ Phận Dịch Vụ Chứng Khoán HSBC

Người lập biểu

V.T.TRÂM ANH

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

N.M.ĐĂNG KHÁNH



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

- TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC